

CHiNT | **Next**
CHINT ELECTRIC | series

The Next Reliable Choice

BẢNG GIÁ 2025



ACB | MCB | MCCB | Contactor | Switch | Relay

NXB-63 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)					
* Dòng điện định mức: 6A - 63A; * Tần số: 50/60Hz; * Đặc tính đường cong: B, C, D; * Bảo vệ quá tải, ngắn mạch; * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60898-1;					
Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá _2024
	1P	1A	6kA	NXB-63 1P C1 6kA	167,200
	1P	2A	6kA	NXB-63 1P C2 6kA	83,600
	1P	6A	6kA	NXB-63 1P C6 6kA	83,600
	1P	10A	6kA	NXB-63 1P C10 6kA	83,600
	1P	16A	6kA	NXB-63 1P C16 6kA	83,600
	1P	20A	6kA	NXB-63 1P C20 6kA	83,600
	1P	25A	6kA	NXB-63 1P C25 6kA	83,600
	1P	32A	6kA	NXB-63 1P C32 6kA	89,100
	1P	40A	6kA	NXB-63 1P C40 6kA	89,100
	1P	50A	6kA	NXB-63 1P C50 6kA	100,100
	1P	63A	6kA	NXB-63 1P C63 6kA	100,100
	2P	1A	6kA	NXB-63 2P C1 6kA	314,600
	2P	6A	6kA	NXB-63 2P C6 6kA	157,300
	2P	10A	6kA	NXB-63 2P C10 6kA	157,300
	2P	16A	6kA	NXB-63 2P C16 6kA	157,300
	2P	20A	6kA	NXB-63 2P C20 6kA	161,700
	2P	25A	6kA	NXB-63 2P C25 6kA	161,700
	2P	32A	6kA	NXB-63 2P C32 6kA	169,400
	2P	40A	6kA	NXB-63 2P C40 6kA	169,400
	2P	50A	6kA	NXB-63 2P C50 6kA	183,700
	2P	63A	6kA	NXB-63 2P C63 6kA	183,700
	3P	6A	6kA	NXB-63 3P C6 6kA	229,900
	3P	10A	6kA	NXB-63 3P C10 6kA	229,900
	3P	16A	6kA	NXB-63 3P C16 6kA	229,900
	3P	20A	6kA	NXB-63 3P C20 6kA	236,500
	3P	25A	6kA	NXB-63 3P C25 6kA	236,500
	3P	32A	6kA	NXB-63 3P C32 6kA	253,000
	3P	40A	6kA	NXB-63 3P C40 6kA	253,000
	3P	50A	6kA	NXB-63 3P C50 6kA	262,900
	3P	63A	6kA	NXB-63 3P C63 6kA	294,800
	4P	6A	6kA	NXB-63 4P C6 6kA	303,600
	4P	10A	6kA	NXB-63 4P C10 6kA	305,800
	4P	16A	6kA	NXB-63 4P C16 6kA	305,800
	4P	20A	6kA	NXB-63 4P C20 6kA	315,700
	4P	25A	6kA	NXB-63 4P C25 6kA	315,700
	4P	32A	6kA	NXB-63 4P C32 6kA	342,100
	4P	40A	6kA	NXB-63 4P C40 6kA	342,100
	4P	50A	6kA	NXB-63 4P C50 6kA	355,300
	4P	63A	6kA	NXB-63 4P C63 6kA	399,300

NXB-125 CẦU DAO TỰ ĐỘNG LOẠI NHỎ (MCB)

* Dòng điện định mức: 63A - 125A;

* Tần số: 50/60Hz;

* Đặc tính đường cong: B, C, D;

* Bảo vệ quá tải, ngắn mạch;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Mã hàng	Đơn giá _2024
	1P	63A	10kA	NXB-125 1P C63	174,900
	1P	80A	10kA	NXB-125 1P C80	174,900
	1P	100A	10kA	NXB-125 1P C100	174,900
	1P	125A	10kA	NXB-125 1P C125	205,700
	2P	63A	10kA	NXB-125 2P C63	352,000
	2P	80A	10kA	NXB-125 2P C80	352,000
	2P	100A	10kA	NXB-125 2P C100	352,000
	2P	125A	10kA	NXB-125 2P C125	419,100
	3P	63A	10kA	NXB-125 3P C63	529,100
	3P	80A	10kA	NXB-125 3P C80	529,100
	3P	100A	10kA	NXB-125 3P C100	529,100
	3P	125A	10kA	NXB-125 3P C125	621,500
	4P	63A	10kA	NXB-125 4P C63	704,000
	4P	80A	10kA	NXB-125 4P C80	704,000
	4P	100A	10kA	NXB-125 4P C100	704,000
	4P	125A	10kA	NXB-125 4P C125	825,000

NXBLE-32/63 Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 6-63A

- * Dòng định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Dòng rò	Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C6 30mA 6kA	341,000
	1P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C10 30mA 6kA	341,000
	1P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C16 30mA 6kA	341,000
	1P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C20 30mA 6kA	341,000
	1P+N	25A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C25 30mA 6kA	341,000
	1P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 1P+N C32 30mA 6kA	341,000
	1P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C40 30mA 6kA	425,700
	1P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C50 30mA 6kA	500,500
	1P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 1P+N C63 30mA 6kA	500,500
	3P+N	6A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C6 30mA 6kA	707,300
	3P+N	10A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C10 30mA 6kA	707,300
	3P+N	16A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C16 30mA 6kA	707,300
	3P+N	20A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C20 30mA 6kA	707,300
	3P+N	25A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C25 30mA 6kA	707,300
	3P+N	32A	6kA	30mA	NXBLE-32 3P+N C32 30mA 6kA	707,300
	3P+N	40A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C40 30mA 6kA	755,700
	3P+N	50A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C50 30mA 6kA	796,400
	3P+N	63A	6kA	30mA	NXBLE-63 3P+N C63 30mA 6kA	862,400

NXBLE-63Y Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 6-63A

- * Dòng định mức: 6A - 63A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Dòng rò	Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	6A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C6 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	10A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C10 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	16A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C16 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	20A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C20 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	25A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C25 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	32A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C32 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	40A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C40 0.03A 4.5kA	578,600
	1P+N	50A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C50 0.03A 4.5kA	616,000
	1P+N	63A	4.5kA	30mA	NXBLE-63Y 1P+N C63 0.03A 4.5kA	616,000

NXBLE-125 Cầu dao chống dòng rò kết hợp bảo vệ quá tải, ngắn mạch 63-125A

- * Dòng định mức: 63 - 125A;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Đặc tính đường cong: C
- * Bảo vệ quá tải, chống giật và chống dòng rò;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC61009-1;

Hình ảnh	Số cực	In	Icn	Dòng rò	Mã hàng	Đơn giá
	1P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C63 30mA	804,100
	1P+N	63A	10kA	50mA	NXBLE-125 1P+N C63 50mA	804,100
	1P+N	63A	10kA	100mA	NXBLE-125 1P+N C63 100mA	804,100
	1P+N	63A	10kA	300mA	NXBLE-125 1P+N C63 300mA	804,100
	1P+N	80A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C80 30mA	804,100
	1P+N	80A	10kA	50mA	NXBLE-125 1P+N C80 50mA	804,100
	1P+N	80A	10kA	100mA	NXBLE-125 1P+N C80 100mA	804,100
	1P+N	80A	10kA	300mA	NXBLE-125 1P+N C80 300mA	804,100
	1P+N	100A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C100 30mA	804,100
	1P+N	100A	10kA	50mA	NXBLE-125 1P+N C100 50mA	804,100
	1P+N	100A	10kA	100mA	NXBLE-125 1P+N C100 100mA	804,100
	1P+N	100A	10kA	300mA	NXBLE-125 1P+N C100 300mA	804,100
	1P+N	125A	10kA	30mA	NXBLE-125 1P+N C125 30mA	888,800
	1P+N	125A	10kA	50mA	NXBLE-125 1P+N C125 50mA	888,800
	1P+N	125A	10kA	100mA	NXBLE-125 1P+N C125 100mA	888,800
	1P+N	125A	10kA	300mA	NXBLE-125 1P+N C125 300mA	888,800
	3P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C63 30mA	1,274,900
	3P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C63 50mA	1,274,900
	3P+N	63A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C63 100mA	1,274,900
	3P+N	63A	10kA	300mA	NXBLE-125 3P+N C63 300mA	1,274,900
	3P+N	80A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C80 30mA	1,274,900
	3P+N	80A	10kA	50mA	NXBLE-125 3P+N C80 50mA	1,274,900
	3P+N	80A	10kA	100mA	NXBLE-125 3P+N C80 100mA	1,274,900
	3P+N	80A	10kA	300mA	NXBLE-125 3P+N C80 300mA	1,274,900
	3P+N	100A	10kA	30mA	NXBLE-125 3P+N C100 30mA	1,274,900
	3P+N	100A	10kA	50mA	NXBLE-125 3P+N C100 50mA	1,274,900
	3P+N	100A	10kA	100mA	NXBLE-125 3P+N C100 100mA	1,274,900
	3P+N	100A	10kA	300mA	NXBLE-125 3P+N C100 300mA	1,274,900

Phụ kiện dùng cho NXB-63

Chức năng	Mã hàng	Đơn giá
Tiếp điểm phụ	AX-X1	213,400
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X1	213,400
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X1 AC24V/48V,DC24V/48V	289,300
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X1 AC230V/400V	283,800
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X1	545,600
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X1	545,600
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X1	545,600
Khóa liên động	LMI-XB	145,200

Phụ kiện dùng cho NXB-125

Chức năng	Mã hàng	Đơn giá
Tiếp điểm phụ	AX-X3	324,500
Tiếp điểm báo sự cố	AL-X3	324,500
Cuộn ngắt điện áp AC24V/48V,DC24V/48V	SHT-X3 AC24V/48V,DC24V/48V	339,900
Cuộn ngắt điện áp AC230V/400V	SHT-X3 AC230V/400V	339,900
Cuộn bảo vệ quá áp điện áp AC240V	OVT-X3	545,600
Cuộn bảo vệ thấp áp điện áp AC240V	UVT-X3	545,600
Cuộn bảo vệ quá áp/thấp áp điện áp AC240V	OUVT-X3	545,600
Khóa liên động	LMI-12	88,000

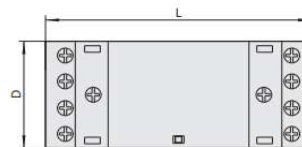
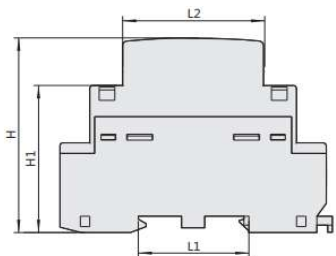


NCH8 Khởi động từ dạng mô đun dùng trong chiếu sáng

- * Dòng điện định mức: 20A, 25A, 40A, 63A;
- * Điện áp hoạt động: 230V, 400V;
- * Tần số: 50/60Hz;
- * Áp dụng cho tải: AC-1, AC-7a, AC-7b;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61095;
- * Chứng nhận: CE



Số cực	Điện áp	In	Mã hàng	Đơn giá
2NO	230V	20A	NCH8-20/20 220/230V	399,300
2NO	24V	20A	NCH8-20/20 24V	399,300
2NO+2NC	230V	20A	NCH8-20/22 220/230V	679,800
2NO+2NC	24V	20A	NCH8-20/22 24V	679,800
2NO	230V	25A	NCH8-25/20 220/230V	454,300
2NO	24V	25A	NCH8-25/20 24V	454,300
2NO+2NC	230V	25A	NCH8-25/22 220/230V	490,600
2NO+2NC	24V	25A	NCH8-25/22 24V	490,600
2NO	230V	40A	NCH8-40/20 220/230V	685,300
2NO	24V	40A	NCH8-40/20 24V	685,300
2NO+2NC	230V	40A	NCH8-40/22 220/230V	877,800
2NO+2NC	24V	40A	NCH8-40/22 24V	877,800
2NO	230V	63A	NCH8-63/20 220/230V	812,900
2NO	24V	63A	NCH8-63/20 24V	812,900
2NO+2NC	230V	63A	NCH8-63/22 220/230V	1,036,200
2NO+2NC	24V	63A	NCH8-63/22 24V	1,036,200



Model	D		L	L1	L2	H	H1
	2P	4P					
NCH8-20~25	18	36	85	35.5	45	65.5	50
NCH8-40~63	36	54	85	35.5	45	65.5	50

NXM Cầu dao tự động dạng khối (MCCB)					
* Dòng định mức: 10A - 1600A; * Điện áp hoạt động: 220V/230V/240V, 380V/400V/415V; * Số cực: 2P, 3P, 4P; * Loại bảo vệ: Bảo vệ từ nhiệt, bảo vệ từ; * Mã công suất ngắn mạch: E, S, F(Icu=100%Ucs), H; * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2; * Chứng nhận: CCC, CE, KEMA					
Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá _2024
	2P	25A	25kA	NXM-125S/2300 25A	966,900
	2P	32A	25kA	NXM-125S/2300 32A	966,900
	2P	40A	25kA	NXM-125S/2300 40A	966,900
	2P	50A	25kA	NXM-125S/2300 50A	966,900
	2P	63A	25kA	NXM-125S/2300 63A	966,900
	2P	80A	25kA	NXM-125S/2300 80A	966,900
	2P	100A	25kA	NXM-125S/2300 100A	966,900
	2P	125A	25kA	NXM-125S/2300 125A	966,900
	2P	160A	36kA	NXM-250S/2300 160A	1,478,400
	2P	180A	36kA	NXM-250S/2300 180A	1,478,400
	2P	200A	36kA	NXM-250S/2300 200A	1,478,400
	2P	225A	36kA	NXM-250S/2300 225A	1,478,400
	2P	250A	36kA	NXM-250S/2300 250A	1,478,400
	3P	25A	25kA	NXM-125S/3300 25A	1,518,000
	3P	32A	25kA	NXM-125S/3300 32A	1,518,000
	3P	40A	25kA	NXM-125S/3300 40A	1,518,000
	3P	50A	25kA	NXM-125S/3300 50A	1,518,000
	3P	63A	25kA	NXM-125S/3300 63A	1,518,000
	3P	80A	25kA	NXM-125S/3300 80A	1,518,000
	3P	100A	25kA	NXM-125S/3300 100A	1,518,000
	3P	125A	25kA	NXM-125S/3300 125A	1,518,000
	3P	160A	36kA	NXM-250S/3300 160A	2,039,400
	3P	180A	36kA	NXM-250S/3300 180A	2,202,200
	3P	200A	36kA	NXM-250S/3300 200A	2,202,200
	3P	225A	36kA	NXM-250S/3300 225A	2,202,200
	3P	250A	36kA	NXM-250S/3300 250A	2,202,200
	3P	315A	50kA	NXM-400S/3300 315A	6,865,100
	3P	320A	50kA	NXM-400S/3300 320A	6,865,100
	3P	350A	50kA	NXM-400S/3300 350A	6,865,100
	3P	400A	50kA	NXM-400S/3300 400A	6,865,100
	3P	500A	50kA	NXM-630S/3300 500A	9,535,900
	3P	630A	50kA	NXM-630S/3300 630A	9,535,900
	3P	800A	50kA	NXM-800S/3300 800A	16,095,200
	3P	1000A	50kA	NXM-1000S/3300 1000A	25,855,500
	3P	1250A	50kA	NXM-1600S/3300T 1250A	49,655,100
	3P	1600A	50kA	NXM-1600S/3300T 1600A	50,648,400

Hình ảnh	Số cực	In	Icu	Mã hàng	Đơn giá _2024
	4P	25A	25kA	NXM-125S/4300B 25A	2,264,900
	4P	32A	25kA	NXM-125S/4300B 32A	2,264,900
	4P	40A	25kA	NXM-125S/4300B 40A	2,264,900
	4P	50A	25kA	NXM-125S/4300B 50A	2,264,900
	4P	63A	25kA	NXM-125S/4300B 63A	2,264,900
	4P	80A	25kA	NXM-125S/4300B 80A	2,264,900
	4P	100A	25kA	NXM-125S/4300B 100A	2,264,900
	4P	125A	25kA	NXM-125S/4300B 125A	2,264,900
	4P	160A	36kA	NXM-250S/4300B 160A	3,137,200
	4P	180A	36kA	NXM-250S/4300B 180A	3,137,200
	4P	200A	36kA	NXM-250S/4300B 200A	3,137,200
	4P	225A	36kA	NXM-250S/4300B 225A	3,137,200
	4P	250A	36kA	NXM-250S/4300B 250A	3,137,200
	4P	315A	50kA	NXM-400S/4300B 315A	7,928,800
	4P	320A	50kA	NXM-400S/4300B 320A	7,928,800
	4P	350A	50kA	NXM-400S/4300B 350A	7,928,800
	4P	400A	50kA	NXM-400S/4300B 400A	7,928,800
	4P	500A	50kA	NXM-630S/4300B 500A	12,862,300
	4P	630A	50kA	NXM-630S/4300B 630A	12,862,300
	4P	800A	50kA	NXM-800S/4300B 800A	20,084,900
	4P	1000A	50kA	NXM-1000S/4300B 1000A	36,480,400
	4P	1250A	50kA	NXM-1600S/4300TB 1250A	54,484,100
	4P	1600A	50kA	NXM-1600S/4300TB 1600A	56,662,100

NXMLE Cầu dao chống giật dạng khối (RCCB)

- * Dòng định mức: 10A - 630A;
- * Điện áp hoạt động: 220V/230V/240V, 380V/400V/415V;
- * Số cực: 3P, 4P;
- * Dòng rò : 30/50/100/200/300/500mA
- * Loại bảo vệ: Bảo vệ từ nhiệt, bảo vệ từ;
- * Mã công suất ngắn mạch: E, S, F(Icu=100%Ucs), H;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-2;
- * Chứng nhận: CE, KEMA

Hình ảnh	Số cực	In	Dòng rò	Icu	Mã hàng	Đơn giá _2024
	3P	10A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 10A A	2,412,300
	3P	16A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 16A A	2,412,300
	3P	25A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 20A A	2,412,300
	3P	32A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 25A A	2,412,300
	3P	40A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 32A A	2,412,300
	3P	50A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 40A A	2,412,300
	3P	63A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 50A A	2,412,300
	3P	80A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 63A A	2,412,300
	3P	100A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 100A A	2,543,200
	3P	125A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/3300 125A A	2,543,200
	3P	160A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 125A C	3,533,200
	3P	180A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 160A C	3,533,200
	3P	200A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 180A C	3,533,200
	3P	225A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 200A C	3,533,200
	3P	250A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 225A C	3,900,600
	3P	315A	100/200/300mA	35kA	NXMLE-250S/3300 250A C	3,900,600
	3P	250A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 250A B	8,439,200
	3P	250A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 250A D	8,439,200
	3P	280A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 280A B	8,439,200
	3P	280A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 280A D	8,439,200
	3P	315A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 315A B	8,439,200
	3P	315A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 315A D	8,439,200
	3P	320A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 320A B	8,439,200
	3P	320A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 320A D	8,439,200
	3P	350A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 350A B	8,439,200
	3P	350A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 350A D	8,439,200
	3P	400A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/3300 400A B	8,787,900
	3P	400A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-400S/3300 400A D	8,787,900
	3P	400A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-630S/3300 400A B	9,541,400
	3P	400A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-630S/3300 400A D	9,541,400
	3P	500A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-630S/3300 500A B	9,541,400
	3P	500A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-630S/3300 500A D	9,541,400
	3P	630A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-630S/3300 630A B	10,634,800
	3P	630A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-630S/3300 630A D	10,634,800

Hình ảnh	Số cực	In	Dòng rò	Icu	Mã hàng	Đơn giá _2024
	4P	10A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 10A A	3,059,100
	4P	16A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 16A A	3,059,100
	4P	25A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 20A A	3,059,100
	4P	32A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 25A A	3,059,100
	4P	40A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 32A A	3,059,100
	4P	50A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 40A A	3,059,100
	4P	63A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 63A A	3,214,200
	4P	80A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 80A A	3,214,200
	4P	100A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 100A A	3,214,200
	4P	125A	30/50/100mA	25kA	NXMLE-125S/4300B 125A A	3,214,200
	4P	160A	30/50/100mA	36kA	NXMLE-250S/4300B 160A A	4,258,100
	4P	180A	30/50/100mA	36kA	NXMLE-250S/4300B 180A A	4,258,100
	4P	200A	30/50/100mA	36kA	NXMLE-250S/4300B 200A A	4,258,100
	4P	225A	30/50/100mA	50kA	NXMLE-250S/4300B 225A A	4,679,400
	4P	250A	30/50/100mA	50kA	NXMLE-250S/4300B 250A A	4,679,400
	4P	280A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/4300B 280A B	10,126,600
	4P	315A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/4300B 315A B	10,126,600
	4P	320A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/4300B 320A B	10,126,600
	4P	350A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/4300B 350A B	10,126,600
	4P	400A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-400S/4300B 400A B	10,531,400
	4P	500A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-630S/4300A 500A B	11,447,700
	4P	500A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-630S/4300A 500A D	11,447,700
	4P	630A	50/100/200mA	50kA	NXMLE-630S/4300A 630A B	12,425,600
	4P	630A	200/300/500mA	50kA	NXMLE-630S/4300A 630A D	12,425,600

NXM Series Tiếp điểm phụ

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AX-M1 R	508,200
	160A	/	Trái	AX-M2 L	508,200
	160A	/	Phải	AX-M2 R	508,200
	250A	/	Trái	AX-M3 L	508,200
	250A	/	Phải	AX-M3 R	508,200
	400/630A	/	Trái	AX-M4 L	508,200

NXM Series Tiếp điểm báo sự cố

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Phải	AL-M1 R	244,200
	160A	/	Trái	AL-M2 L	249,700
	160A	/	Phải	AL-M2 R	249,700
	250A	/	Trái	AL-M3 L	244,200
	400/630A	/	Trái	AL-M4 L	511,500

NXM Series Cuộn ngắt

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	SHT-M1 A1 L	557,700
	63/125A	AC220-240V	Phải	SHT-M1 A1 R	557,700
	160A	AC220-240V	Trái	SHT-M2 A1 L	557,700
	160A	AC220-240V	Phải	SHT-M2 A1 R	557,700
	250A	AC220-240V	Trái	SHT-M3 A1 L	557,700
	250A	AC220-240V	Phải	SHT-M3 A1 R	557,700
	400/630A	AC220-240V	Phải	SHT-M4 A1 R	1,269,400

NXM Series Cuộn bảo vệ thấp áp

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC220-240V	Trái	UVT-M1 A1 L	1,225,400
	160A	AC220-240V	Trái	UVT-M2 A1 L	1,225,400

NXM Series Mô tơ ON/OFF tự động

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	AC/DC 220V	Surface	MD-M1 D3/A1	7,814,400
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 H	7,814,400
	160A	AC/DC 220V	Surface	MD-M2 A1 S	7,814,400
	250A	AC/DC 220V	Surface	MD-M3 D3/A1	7,814,400
	400/630A	AC/DC 220V	Surface	MD-M4 D3/A1	13,420,000
	800A	AC/DC 220V	Surface	MD-M5 D3/A1	14,982,000
	1000A	AC/DC 220V	Surface	MD-M6 D3/A1	17,125,900
	1600A	AC/DC 220V	Surface	MD-M7 D3/A1	18,444,800

NXM Series Tay xoay mở rộng

Hình ảnh	Ampe	Ue	Lắp đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	63/125A	/	Surface	ERH-M1	1,006,500
	160A	/	Surface	ERH-M2	1,006,500
	250A	/	Surface	ERH-M3	1,105,500
	400/630A	/	Surface	ERH-M4	1,510,300
	800A	/	Surface	ERH-M5	1,810,600
	1000A	/	Surface	ERH-M6	1,960,200
	1600A	/	Surface	ERH-M7	2,415,600

RT28 Ruột chì trụ tròn

- * Dòng điện định mức: 2A - 63A;
- * kích thước: 10x38
- * Điện áp hoạt động: 500V;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60269-2;

Hình ảnh	In	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2A	RT28-32 2A gG/gL	13,200
	4A	RT28-32 4A gG/gL	13,200
	6A	RT28-32 6A gG/gL	13,200
	10A	RT28-32 10A gG/gL	13,200
	16A	RT28-32 16A gG/gL	13,200
	20A	RT28-32 20A gG/gL	13,200
	25A	RT28-32 25A gG/gL	13,200
	32A	RT28-32 32A gG/gL	13,200

RT28N Đế cầu chì

Hình ảnh	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1P	BASE RT28N-32X 1P	71,500
	2P	BASE RT28N-32X 2P	145,200
	3P	BASE RT28N-32X 3P	216,700

Bút thử điện không tiếp xúc			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Chế độ đo gần màu xanh : 12 ~ 250V Chế độ đo xa màu đỏ : khoảng cách 630 ~ 670mm, < 1mW Kích thước: 160x23x26mm Pin: AAAx2	ZTY1322A	555,500
Đồng hồ VOM đa năng			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đo điện áp AC: lên đến 600V Đo điện áp DC: 200mV/2V/20V/200V Đo điện trở: 200Ω/2kΩ/20kΩ/200kΩ Đo dòng điện DC: 200μA/2mA/20mA/200mA Đo diode và kiểm tra thông mạch.	ZTY0123A	754,600
Ổ cắm gắn thanh rail			
	Đặc Điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Loại 2 chấu (10A 250V~)	AC30-103	82,500
	Loại 3 chấu (10A 250V~)	AC30-124	115,500
Đồng hồ VOM đa năng			
	Chức Năng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đo dòng điện AC: 0-1000A (3%+5) Đo điện áp DC: 0-1000V (0.8%+3) Đo điện áp AC: 0-750V (1.2%+5) Đo điện trở: 200Ω-20kΩ Đo tần số (Hz) : 40-1000Hz (± 1.5%) Cảm ứng dòng điện NCV (Non Contact Voltage) : có Sử dụng pin 9V	N266	1,355,200
Đồng hồ đo Analog CHINT			
	Đặc Điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	*Cấp chính xác: Class 1.5 *Kích thước 96x96x67.5 *Chứng chỉ: CE *Chứng nhận: IEC/EN60947-1, EN60947-3, EN60947-5-1 *Phạm vi đo lường NP96-A: 1A – 100A (đầu nối trực tiếp); 5A – 10kA/5A (qua biến dòng). *Phạm vi đo lường NP96-V: 15V – 600V (đầu nối trực tiếp) 450 – 450kV/100V (qua biến áp).	NP96-V 500V	551,100
		NP96-A 50/5A	525,800
		NP96-A 100/5A	525,800
		NP96-A 150/5A	525,800
		NP96-A 200/5A	525,800
		NP96-A 300/5A	525,800
		NP96-A 400/5A	525,800
		NP96-A 500/5A	525,800
		NP96-A 600/5A	525,800
		NP96-A 800/5A	525,800

NXC Series Khởi động từ AC3, 6A-630A

Hình ảnh	Ampe	Số cực	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	6A	3P	1NO+1NC	NXC-06 220V 50/60Hz	301,400
	9A	3P	1NO+1NC	NXC-09 220V 50/60Hz	313,500
	12A	3P	1NO+1NC	NXC-12 220V 50/60Hz	333,300
	16A	3P	1NO+1NC	NXC-16 220V 50/60Hz	345,400
	18A	3P	1NO+1NC	NXC-18 220V 50/60Hz	359,700
	22A	3P	1NO+1NC	NXC-22 220V 50/60Hz	386,100
	25A	3P	1NO+1NC	NXC-25 220V 50/60Hz	511,500
	32A	3P	1NO+1NC	NXC-32 220V 50/60Hz	688,600
	38A	3P	1NO+1NC	NXC-38 220V 50/60Hz	732,600
	40A	3P	1NO+1NC	NXC-40 220V 50/60Hz	1,065,900
	50A	3P	1NO+1NC	NXC-50 220V 50/60Hz	1,167,100
	65A	3P	1NO+1NC	NXC-65 220V 50/60Hz	1,438,800
	75A	3P	1NO+1NC	NXC-75 220V 50/60Hz	1,843,600
	85A	3P	1NO+1NC	NXC-85 220V 50/60Hz	2,052,600
	100A	3P	1NO+1NC	NXC-100 220V 50/60Hz	2,335,300
	120A	3P	2NO+2NC	NXC-120 220V 50/60Hz	4,440,700
	160A	3P	2NO+2NC	NXC-160 220V 50/60Hz	4,957,700
	185A	3P	2NO+2NC	NXC-185 220V 50/60Hz	5,602,300
	225A	3P	2NO+2NC	NXC-225 220V 50/60Hz	6,007,100
	265A	3P	2NO+2NC	NXC-265 AC/DC 220V-240V	8,820,900
	330A	3P	2NO+2NC	NXC-330 AC/DC 220V-240V	11,749,100
	400A	3P	2NO+2NC	NXC-400 AC/DC 220V-240V	13,134,000
	500A	3P	2NO+2NC	NXC-500 AC/DC 220V-240V	18,288,600
	630A	3P	2NO+2NC	NXC-630 AC/DC 220V-240V	27,311,900

NXC Series Tiếp điểm phụ lắp phía trên mặt khởi động từ

Hình ảnh	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1NO+1NC	AX-3X/11	82,500
	2NO	AX-3X/20	82,500
	2NC	AX-3X/02	82,500
	2NO+2NC	AX-3X/22	143,000
	1NO+3NC	AX-3X/13	143,000
	3NO+1NC	AX-3X/31	143,000
	4NO	AX-3X/40	143,000
	4NC	AX-3X/04	143,000

NXC Series Tiếp điểm phụ lắp bên cạnh khởi động từ

	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	06-225A	1NO+1NC	AX-3C/11	152,900
	265-630A	1NO+1NC	AX-3C/11B	152,900

NXC Series Khóa liên động cơ khí

	Ampe	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	09-38A	/	MI-5mechanical interlocking	75,900
	40-65A	/	MI-6mechanical interlocking	124,300
	75-100A	/	MI-7mechanical interlocking	124,300
	120-225A	/	MI-9Mechanical interlock	124,300
	265-630A	/	NCL8-C	62,700

Tiếp điểm thời gian cho NXC

	Thời gian	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	on delay 0.1-30s	1NO+1NC	F5-T2	759,000
	off delay 0.1-30s	1NO+1NC	F5-D2	759,000

NXR Rờ le nhiệt 0.1-630A (dùng cho khởi động từ NXC)

- * Dây điều chỉnh: 0.1-630A;
 * Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);
 * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

Hình ảnh	In	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
NXR-25 (dùng cho NXC-06~NXC-25) 	0.1-0.16A	1NO+1NC	NXR-25 0.1-0.16A	346,500
	0.16-0.25A	1NO+1NC	NXR-25 0.16-0.25A	346,500
	0.25-0.4A	1NO+1NC	NXR-25 0.25-0.4A	346,500
	0.4-0.63A	1NO+1NC	NXR-25 0.4-0.63A	346,500
	0.63-1A	1NO+1NC	NXR-25 0.63-1A	346,500
	1-1.6A	1NO+1NC	NXR-25 1-1.6A	346,500
	1.25-2A	1NO+1NC	NXR-25 1.25-2A	346,500
	1.6-2.5A	1NO+1NC	NXR-25 1.6-2.5A	346,500
	2.5-4A	1NO+1NC	NXR-25 2.5-4A	346,500
	4-6A	1NO+1NC	NXR-25 4-6A	346,500
	5.5-8A	1NO+1NC	NXR-25 5.5-8A	346,500
	7-10A	1NO+1NC	NXR-25 7-10A	346,500
	9-13A	1NO+1NC	NXR-25 9-13A	346,500
	12-18A	1NO+1NC	NXR-25 12-18A	346,500
	17-25A	1NO+1NC	NXR-25 17-25A	346,500
NXR-38 (dùng cho NXC-32~NXC-38)	23A-32A	1NO+1NC	NXR-38 23A-32A	432,300
	30A-38A	1NO+1NC	NXR-38 30A-38A	432,300
NXR-100 (dùng cho NXC-40~NXC-100) 	23A-32A	1NO+1NC	NXR-100 23A-32A	688,600
	30A-40A	1NO+1NC	NXR-100 30A-40A	688,600
	37A-50A	1NO+1NC	NXR-100 37A-50A	688,600
	48A-65A	1NO+1NC	NXR-100 48A-65A	688,600
	55A-70A	1NO+1NC	NXR-100 55A-70A	688,600
	63A-80A	1NO+1NC	NXR-100 63A-80A	761,200
	80A-93A	1NO+1NC	NXR-100 80A-93A	761,200
	80A-100A	1NO+1NC	NXR-100 80A-100A	799,700
NXR-200 (dùng cho NXC-120~NXC-225)	80A-160A	1NO+1NC	NXR-200 80A-160A	4,042,500
	100A-200A	1NO+1NC	NXR-200 100A-200A	4,042,500
NXR-630 (dùng cho NXC-225~NXC-630)	125A-250A	1NO+1NC	NXR-630 125A-250A	6,284,300
	200A-400A	1NO+1NC	NXR-630 200A-400A	6,284,300
	315A-630A	1NO+1NC	NXR-630 315A-630A	7,068,600

NS2 Bộ khởi động động cơ bằng tay

- * Dây điều chỉnh: 0.1-630A;
- * Ba pha loại bảo vệ cơ hoặc điện tử (NXR-200, NXR-630);
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1, IEC/EN 60947-5-1

Hình ảnh	Dòng chỉnh (A)	Công suất (Kw)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	16A-25A	11	NS2-80B 16A-25A	2,420,000
	25A-40A	18.5	NS2-80B 25A-40A	2,420,000
	40A-63A	30	NS2-80B 40A-63A	2,420,000
	56A-80A	40	NS2-80B 56A-80A	2,420,000
	0.1-0.16A	0.06	NS2-25X 0.1-0.16A	962,500
	0.16-0.25A	0.09	NS2-25X 0.16-0.25A	962,500
	0.25-0.4A	0.12	NS2-25X 0.25-0.4A	962,500
	0.4-0.63A	0.18	NS2-25X 0.4-0.63A	962,500
	0.63-1A	0.25	NS2-25X 0.63-1A	962,500
	1-1.6A	0.37	NS2-25X 1-1.6A	962,500
	1.6-2.5A	0.75	NS2-25X 1.6-2.5A	962,500
	2.5-4A	1.5	NS2-25X 2.5-4A	962,500
	4-6.3A	2.2	NS2-25X 4-6.3A	962,500
	6-10A	4	NS2-25X 6-10A	962,500
	9-14A	5.5	NS2-25X 9-14A	962,500
	13-18A	7.5	NS2-25X 13-18A	962,500
	17-23A	11	NS2-25X 17-23A	962,500
	20-25A	11	NS2-25X 20-25A	962,500
	24-32A	15	NS2-32X 24-32A	962,500
	16-25A	11	NS2-80B 16A-25A	2,420,000
	25-40A	18.5	NS2-80B 25A-40A	2,420,000
	40-63A	30	NS2-80B 40A-63A	2,420,000
	56-80A	40	NS2-80B 56A-80A	2,420,000

Bộ khởi động mềm

- * Dòng điện định mức: 15-1000A;
- * Điện áp hoạt động: 3 Pha 380V($\pm 15\%$);
- * Dòng khởi động: 0.5 đến 5 lần dòng khởi động giới hạn;
- * Thời gian khởi động/dừng mềm: (2~60) S.
- * Giá trị điện áp cơ bản cho khởi động mềm: 30% $U_e \sim 70\% U_e$;
- * Chế độ dừng: dừng tự do, dừng phanh và dừng mềm theo đường dốc điện áp;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-4-2;
- * Chứng nhận: CCC, CE;



	kW	Nguồn cấp	Ngõ ra (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Online Soft Starter	7.5	3 Phase (380V)	15	NJR5-15/ZX3	24,446,400
	11	3 Phase (380V)	22	NJR5-22/ZX3	27,163,400
	15	3 Phase (380V)	30	NJR5-30/ZX3	28,262,300
	18.5	3 Phase (380V)	37	NJR5-37/ZX3	29,621,900
	22	3 Phase (380V)	44	NJR5-44/ZX3	37,776,200
	30	3 Phase (380V)	60	NJR5-60/ZX3	40,751,700
	37	3 Phase (380V)	74	NJR5-74/ZX3	44,569,800
	45	3 Phase (380V)	90	NJR5-90/ZX3	49,474,700
	55	3 Phase (380V)	110	NJR5-110/ZX3	53,035,400
	75	3 Phase (380V)	150	NJR5-150/ZX3	57,043,800
	90	3 Phase (380V)	180	NJR5-180/ZX3	61,066,500
	110	3 Phase (380V)	220	NJR5-220/ZX3	64,177,300
	132	3 Phase (380V)	264	NJR5-264/ZX3	69,082,200
	160	3 Phase (380V)	320	NJR5-320/ZX3	73,539,400
	185	3 Phase (380V)	370	NJR5-370/ZX3	133,709,400
	220	3 Phase (380V)	440	NJR5-440/ZX3	150,205,000
	250	3 Phase (380V)	500	NJR5-500/ZX3	160,449,300
	280	3 Phase (380V)	560	NJR5-560/ZX3	173,822,000
	315	3 Phase (380V)	630	NJR5-630/ZX3	191,648,600
	355	3 Phase (380V)	710	NJR5-710/ZX3	209,475,200
	400	3 Phase (380V)	800	NJR5-800/ZX3	249,478,900
	450	3 Phase (380V)	900	NJR5-900/ZX3	261,301,700
	500	3 Phase (380V)	1000	NJR5-1000/ZX3	276,520,200

NP2-EA Nút nhấn nhả

* Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V;

* Cấp bảo vệ chống bụi: IP40;

* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1:

* Chứng nhận: CCC, CE, EAC. UL, ACCE-NOM, Ukraine;

Hình ảnh	Phân loại	Thông số	NO	NC	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Nút nhấn không đèn	Trắng	1	-	NP2-EA11	52,800
		Đen	1	-	NP2-EA21	52,800
		Xanh lá	1	-	NP2-EA31	52,800
		Vàng	1	-	NP2-EA51	52,800
		Xanh dương	1	-	NP2-EA61	52,800
		Đỏ	-	1	NP2-EA42	52,800
	Công tắc xoay	2VT cần ngắn	1	-	NP2-ED21	58,300
		3VT cần ngắn	2	-	NP2-ED33	67,100
		2VT cần dài	1	-	NP2-EJ21	55,000
		3VT cần dài	2	-	NP2-EJ33	67,100
		2VT tự trả	1	-	NP2-ED41	58,300
		3VT tự trả	2	-	NP2-ED53	67,100
	Công tắc xoay có chìa khóa	2VT tự giữ	1	-	NP2-EG21	115,500
		2VT tự trả	1	-	NP2-EG41	115,500
		3VT tự giữ	2	-	NP2-EG33	121,000
	Nút nhấn kép	Xanh-đỏ	1	1	NP2-EL8325	67,100
	Nút nhấn có đèn 220V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 230V LED	135,300
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 230V LED	135,300
		Xanh dương	1	-	NP2-EW3661 230V LED	135,300
		Trắng	1	-	NP2-EW3162 230V LED	135,300
		Đỏ	-	1	NP2-EW3462 230V LED	135,300
	Nút nhấn có đèn 24V	Xanh lá	1	-	NP2-EW3361 24V LED	115,500
		Vàng	1	-	NP2-EW3561 24V LED	115,500
		Xanh dương	1	-	NP2-EW3661 24V LED	115,500
Trắng		1	-	NP2-EW3162 24V LED	115,500	
Đỏ		-	1	NP2-EW3462 24V LED	115,500	
Nút dừng khẩn		-	1	NP2-ES542	67,100	
Nút nhấn dù	Trắng	1	-	NP2-EC11	58,300	
	Đen	1	-	NP2-EC21	58,300	
	Xanh lá	1	-	NP2-EC31	58,300	
	Vàng	1	-	NP2-EC51	58,300	
	Xanh dương	1	-	NP2-EC61	58,300	
	Đỏ	-	1	NP2-EC42	58,300	
Hộp nút nhấn	1 lỗ			NP2-B01	115,500	
	2 lỗ			NP2-B02	115,500	
	3 lỗ			NP2-B03	115,500	
Tiếp điểm phụ	NO	1	-	NP2-BE101	35,200	
	NC	-	1	NP2-BE102	35,200	

ND16 Đèn báo

- * Phù hợp với điện áp: AC50/60HZ, AC380V/DC220V;
- * Cấp bảo vệ chống bụi: IP40;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC60947-5-1;
- * Chứng nhận: CCC, CE, EAC, UL, ACCE-NOM, Ukraine;

Hình ảnh	Phân loại	Thông số	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Đèn báo	Trắng	220VAC/DC	ND16-22C/2 220V WHT	57,200
		Xanh dương		ND16-22C/2 220V BLU	57,200
		Đỏ		ND16-22C/2 220V RED	57,200
		Vàng		ND16-22C/2 220V YEL	57,200
		Xanh Lá		ND16-22C/2 220V GRN	57,200
		Trắng	24VAC/DC	ND16-22CS/2 24V WHT	57,200
		Xanh dương		ND16-22CS/2 24V BLU	57,200
		Đỏ		ND16-22CS/2 24V RED	57,200
		Vàng		ND16-22CS/2 24V YEL	57,200
		Xanh Lá		ND16-22CS/2 24V GRN	57,200

JZX Series Rờ le kiếng

- * Nhiệt độ môi trường: -40 đến 70 độ C;
- * Số cặp tiếp điểm: 2Z, 4Z;
- * Khả năng tiếp xúc cao, phù hợp trong điều khiển PLC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;

Hình ảnh	Phân loại	Dòng điện	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	8 chân dẹp nhỏ	5A	220VAC	JZX-22F(D)/2Z PLU AC220V	116,600
		5A	12VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC12V	116,600
		5A	24VDC	JZX-22F(D)/2Z PLU DC24V	116,600
	14 chân dẹp nhỏ	3A	220VAC	JZX-22F(D)/4Z PLU AC220V	135,300
		3A	12VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC12V	135,300
		3A	24VDC	JZX-22F(D)/4Z PLU DC24V	135,300
	8 chân dẹp lớn	10A	220VAC	JQX-13F/2Z PLU AC220V	115,500
		10A	12VDC	JQX-13F/2Z PLU DC12V	115,500
		10A	24VDC	JQX-13F/2Z PLU DC24V	115,500
	8 chân tròn	10A	220VAC	JQX-10F/2Z AC220V	166,100
		10A	24VDC	JQX-10F/2Z DC24V	166,100
	Đế 8 chân tròn	10A		CZF08A	30,800
	Đế 8 chân dẹp lớn	10A		CZT08B-01	49,500

NJYB3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- * NJYB3 rò le chức năng bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Điện áp hoạt động: Hệ thống 3 pha 3 dây: AC380V~AC415V 50Hz;
Hệ thống 3 pha 4 dây: AC220V~AC240V 50Hz;
- * Chức năng bảo vệ: quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;
- * Chứng nhận: CE;



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Quá áp, thấp áp, mất pha	AC380V	3 pha 3 dây	NJYB3-8 AC380V	715,000
	AC220V	3 pha 4 dây	NJYB3-11 AC220V	715,000

XJ3 Series Rò le bảo vệ điện áp

- *G: Bảo vệ mất pha, thứ tự pha, cân bằng pha (cố định);
- *D: Bảo vệ quá áp, thấp áp, mất pha, thứ tự pha (Có thể chỉnh thông số);



Chức năng	Điện áp	Hệ thống	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
D	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-D AC380V	913,000
G	AC380V	3 pha 3 dây	XJ3-G AC380V	460,900

Relay báo mực nước

	Tiếp điểm	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Ue:220V Ie: 1.5A	AC220V	JYB-714C AC220V	416,900

JSZ3 Series Timer ON delay

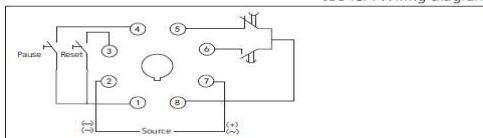
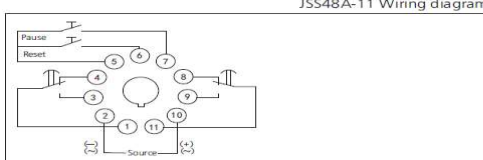
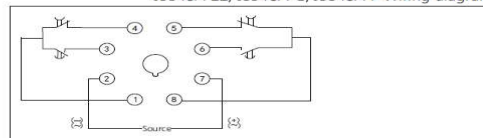
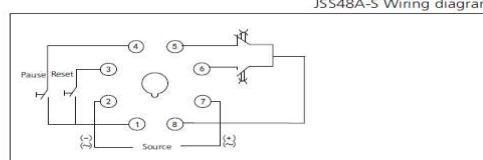
* Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 60947-4-1;

* Chứng nhận: CE;

Ngưỡng thời gian	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
(0.05-0.5)s/5s/30s/3min	A	DC24V	JSZ3A-A DC24V	474,100
	A	AC220V	JSZ3A-A AC220V	474,100
	A	AC380V	JSZ3A-A AC380V	474,100
(0.1-1)s/10s/60s/6min	B	DC24V	JSZ3A-B DC24V	474,100
	B	AC220V	JSZ3A-B AC220V	474,100
	B	AC380V	JSZ3A-B AC380V	474,100
(0.5-5)s/50s/5min/30min	C	DC24V	JSZ3A-C DC24V	474,100
	C	AC220V	JSZ3A-C AC220V	474,100
	C	AC380V	JSZ3A-C AC380V	474,100
(1-10)s/100s/10min/60min	D	DC24V	JSZ3A-D DC24V	474,100
	D	AC220V	JSZ3A-D AC220V	474,100
	D	AC380V	JSZ3A-D AC380V	474,100
(5-60)s/10min/60min/6h	E	DC24V	JSZ3A-E DC24V	474,100
	E	AC220V	JSZ3A-E AC220V	474,100
	E	AC380V	JSZ3A-E AC380V	474,100
(0.25-2)min/2min/2h/12h	F	DC24V	JSZ3A-F DC24V	474,100
	F	AC220V	JSZ3A-F AC220V	474,100
	F	AC380V	JSZ3A-F AC380V	474,100
(0.5-4)min/40min/4h/24h	G	DC24V	JSZ3A-G DC24V	474,100
	G	AC220V	JSZ3A-G AC220V	474,100
	G	AC380V	JSZ3A-G AC380V	474,100

JSZ3 Series Timer Sao - Tam giác

Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	10s	AC220V	JSZ3Y 10s AC220V	490,600
		AC380V	JSZ3Y 10s AC380V	490,600
	30s	AC220V	JSZ3Y 30s AC220V	668,800
		AC380V	JSZ3Y 30s AC380V	490,600
	60s	AC220V	JSZ3Y 60s AC220V	490,600
		AC380V	JSZ3Y 60s AC380V	668,800
	180s	AC220V	JSZ3Y 180s AC220V	490,600
		AC380V	JSZ3Y 180s AC380V	490,600

JSZ3 Series Timer OFF delay				
Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1s	AC220V	JSZ3F 1s AC220V	613,800
		AC380V	JSZ3F 1s AC380V	613,800
		DC24V	JSZ3F 1s DC24V	613,800
	5s	AC220V	JSZ3F 5s AC220V	613,800
		AC380V	JSZ3F 5s AC380V	613,800
		DC24V	JSZ3F 5s DC24V	613,800
	10s	AC220V	JSZ3F 10s AC220V	613,800
		AC380V	JSZ3F 10s AC380V	613,800
		DC24V	JSZ3F 10s DC24V	613,800
	30s	AC220V	JSZ3F 30s AC220V	613,800
		AC380V	JSZ3F 30s AC380V	613,800
		DC24V	JSZ3F 30s DC24V	613,800
	60s	AC220V	JSZ3F 60s AC220V	613,800
		AC380V	JSZ3F 60s AC380V	613,800
		DC24V	JSZ3F 60s DC24V	613,800
	2min	AC220V	JSZ3F 2min AC220V	613,800
DC24V		JSZ3F 2min DC24V	613,800	
3min	AC220V	JSZ3F 3min AC220V	613,800	
	AC380V	JSZ3F 3min AC380V	613,800	
		DC24V	JSZ3F 3min DC24V	613,800
JSS48A Series				
Hình ảnh	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
	AC/DC24V-48V	JSS48A AC/DC24V-48V	1,171,500	
	AC/DC100V-240V	JSS48A AC/DC100V-240V	1,171,500	
	AC380V	JSS48A AC380V	1,171,500	
	AC/DC24V-48V	JSS48A-11 AC/DC24V-48V	1,171,500	
	AC380V	JSS48A-11 AC380V	1,171,500	
	AC/DC24V-48V	JSS48A-2Z AC/DC24V-48V	1,171,500	
	AC/DC100V-240V	JSS48A-2Z AC/DC100V-240V	1,171,500	
	AC380V	JSS48A-2Z AC380V	1,171,500	
	AC220V	JSS48A-S AC220V	1,283,700	
	AC380V	JSS48A-S AC380V	1,283,700	
	DC24V	JSS48A-S DC24V	1,283,700	
JSS48A Wiring diagram JSS48A-11 Wiring diagram JSS48A-2Z, JSS48A-G, JSS48A-P Wiring diagram JSS48A-S Wiring diagram				
KG316T Series Công tắc thời gian 24/7				
* Điện áp ngõ vào: AC220V 50Hz; * Loại tiếp điểm: có điện áp AC220V;				
Hình ảnh	Loại	Điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	24h/7	AC220V	KG316T AC220V	649,000

NDK Series Biến áp cách ly

- * Công suất: 25-5000VA;
- * Điện áp đầu vào: 415/380/220VAC - 50/60Hz;
- * Điện áp ngõ ra: 12; 24; 36; 48; 110; 220VAC;
- * Phù hợp tiêu chuẩn: IEC/EN 61558;

Hình ảnh	Công suất	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	25VA	NDK-25VA IEC	596,200
	50VA	NDK-50VA IEC	783,200
	100VA	NDK-100VA IEC	1,056,000
	150VA	NDK-150VA IEC	1,525,700
	200VA	NDK-200VA IEC	1,852,400
	250VA	NDK-250VA IEC	2,114,200
	300VA	NDK-300VA IEC	2,489,300
	400VA	NDK-400VA IEC	3,355,000
	500VA	NDK-500VA IEC	3,120,700
	700VA	NDK-700VA IEC	4,579,300
	1000VA	NDK-1000VA IEC	5,453,800
	1500VA	NDK-1500VA IEC	11,273,900
	2000VA	NDK-2000VA IEC	12,496,000
	3000VA	NDK-3000VA IEC	13,591,600
	4000VA	NDK-4000VA IEC	17,796,900
	5000VA	NDK-5000VA IEC	20,419,300

Relay bảo vệ động cơ JD-5

Hình ảnh	Điện áp	Dải dòng	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	AC220V	0.5A-5A	JD-5 0.5A-5A AC220V	724,900
	AC380V	0.5A-5A	JD-5 0.5A-5A AC380V	724,900
	AC220V	2A-20A	JD-5 2A-20A AC220V	724,900
	AC380V	2A-20A	JD-5 2A-20A AC380V	724,900
	AC220V	20A-80A	JD-5 20A-80A AC220V	724,900
	AC380V	20A-80A	JD-5 20A-80A AC380V	724,900
	AC220V	80A-200A	JD-5 80A-200A AC220V	948,200
	AC380V	80A-200A	JD-5 80A-200A AC380V	948,200
	AC220V	160A-400A	JD-5 160A-400A AC220V	948,200
	AC380V	160A-400A	JD-5 160A-400A AC380V	948,200
	AC220V	1A-80A	JD-5 1A-80A AC220V(with buzzer)	724,900

YBLX Series Công tắc hành trình			
Hình ảnh	Kiểu tác động	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Dạng cần gạt con lăn	YBLX-ME/8104	256,300
	Dạng cần gạt nhỏ có thể điều chỉnh được	YBLX-ME/8107	281,600
	Dạng cần gạt con lăn điều chỉnh được	YBLX-ME/8108	286,000
	Dạng pitong đầu bi	YBLX-ME/8111	203,500
	Dạng pitong con lăn dọc	YBLX-ME/8112	221,100
	Dạng cần lò xo	YBLX-ME/8169	206,800
	Dạng nút nhấn bi nhỏ	YBLXW-5/11Z	68,200
	Dạng gắn tủ điện	YBLXW-5/11M	106,700
	Dạng con lăn dọc	YBLXW-5/11Q1	129,800
	Dạng con lăn ngang	YBLXW-5/11Q2	129,800
	Dạng đòn bẩy siêu dài	YBLXW-5/11N1	75,900
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11N2	71,500
	Dạng con lăn đòn bẩy dài	YBLXW-5/11G1	78,100
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-5/11G2	78,100
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-5/11G3	78,100
	Dạng pitong	YBLXW-6/11BZ	192,500
	Dạng pitong	YBLXW-6/11CA	182,600
	Dạng đòn bẩy dài	YBLXW-6/11CG	187,000
	Dạng đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DG	141,900
	Dạng con lăn đòn bẩy vừa	YBLXW-6/11CL	150,700
	Dạng con lăn đòn bẩy ngắn	YBLXW-6/11DL	148,500
	Dạng pitong con lăn nằm ngang	YBLXW-6/11HL	199,100
	Dạng pitong con lăn nằm dọc	YBLXW-6/11ZL	199,100
	Dạng cần lò xo đầu nhựa	YBLXW-6/11W2	176,000